Phụ lục II

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1358 /TB - TĐHYKPNT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	Họ và chữ lót	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng kí dự tuyển			Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp tương ứng				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*14*
1	Bùi Quang	Hùng	Nam	08/12/1987	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	84	-	84	
2	Nguyễn Văn	Sự	Nam	02/11/1985	Thư viện	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	94	-	94	
3	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	07/07/1992	Phòng Quản lý thực hành lâm sàng	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	83	-	83	
4	Nguyễn Thanh	Bằng	Nam	05/11/1979	Phòng Quản lý Đào tạo	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	68	-	68	
5	Ngô Minh	Nhã	Nữ	18/04/1983	Trung tâm Nghiên cứu Y sinh	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	85	-	85	

STT	Họ và chữ lót	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng kí dự tuyển			Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp tương ứng				
6	Lâm Đỗ Phương	Uyên	Nữ	23/04/1983	Trung tâm Nghiên cứu Y sinh	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	86	5	91	
7	Lê Bảo	Ngọc	Nữ	12/5/1997	Trung tâm Nghiên cứu Y sinh	Kỹ thuật Y	Kỹ Thuật Y (Hạng III)	V.08.07.18	88	-	88	
8	Nhữ Thị Phương	Nga	Nữ	17/01/1994	Phòng Khám Đa Khoa	Điều Dưỡng	Điều Dưỡng	V.08.05.12	89	-	89	
9	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	19/09/1983	Phòng Khám Đa Khoa	Điều Dưỡng	Điều Dưỡng	V.08.05.12	87	-	87	
10	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	06/12/1996	Phòng Khám Đa Khoa	Kế Toán Viên	Kế Toán Viên	06.031	84	-	84	
11	Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	15/10/1995	Phòng Khám Đa Khoa	Kỹ thuật Y	Kỹ Thuật Y (Hạng III)	V.08.07.18	85	-	85	
12	Lâm Ngọc Yến	Nhi	Nữ	25/03/1996	Phòng Khám Đa Khoa	Kỹ thuật Y	Kỹ Thuật Y (Hạng III)	V.08.07.18	99.33	-	99.33	

STT	Họ và chữ lót	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng kí dự tuyển			Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp tương ứng				
13	Võ Phú	Sang	Nam	19/01/1996	Phòng Khám Đa Khoa	Kỹ thuật Y	Kỹ Thuật Y (Hạng III)	V.08.07.18	90.33	-	90.33	
14	Trịnh Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	25/11/1995	Phòng Khám Đa Khoa	Bác Sĩ	Bác Sĩ (Hạng III)	V.08.01.03	75	-	75	
15	Lê Thiện	Khiêm	Nam	26/08/1994	Văn phòng khoa thuộc Khoa Y tế công cộng	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	98.67	-	98.67	
16	Nguyễn Quỳnh	Trúc	Nữ	16/01/1994	Bộ môn Quản lý bệnh viện thuộc Khoa Y tế công cộng	Giảng viên	Giảng Viên (Hạng III)	V.07.01.03	85.33	-	85.33	
17	Tôn Thị Thanh	Thảo	Nữ	28/06/1987	Khoa Dược	Giảng Viên	Giảng Viên (Hạng III)	V.07.01.03	85	-	85	
18	Nguyễn Vũ Lam	Yên	Nữ	08/08/1979	Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Giảng viên	Giảng Viên (Hạng III)	V.07.01.03	82	-	82	

STT	Họ và chữ lót	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng kí dự tuyển			Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp tương ứng				
19	Nguyễn Quốc	Đại	Nam	04/05/1988	Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Giảng viên	Giảng Viên (Hạng III)	V.07.01.03	72	-	72	
20	Hồ Như	Loan	Nữ	27/06/1992	Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Giảng viên	Giảng Viên (Hạng III)	V.07.01.03	71	-	71	
21	Nguyễn Trọng	Quyền	Nam	15/12/1993	Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	68	-	68	
22	Lưu Bá	Trình	Nam	09/6/1995	Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Kỹ thuật Y	Kỹ Thuật Y (Hạng III)	V.08.07.18	94	-	94	
23	Mai Thái	Châu	Nam	10/04/1981	Bộ môn Vật lý Y sinh thuộc Khoa Khoa học cơ bản - Y học cơ sở	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	91	-	91	

STT	Họ và chữ lót	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng kí dự tuyển			Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp tương ứng				
24	Nguyễn Duy	Phương	Nam	22/08/1987	Bộ môn Giải phẫu thuộc Khoa Khoa học cơ bản - Y học cơ sở	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	94	-	94	
25	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	25/11/1976	Bộ môn Hóa - Sinh hóa đại cương thuộc Khoa Khoa học cơ bản - Y học cơ sở	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	95	-	95	
26	Trần Trinh	Vương	Nữ	03/03/1985	Bộ môn Kí sinh Y học thuộc Khoa Khoa học cơ bản - Y học cơ sở	Kỹ thuật Y	Kỹ Thuật Y (Hạng III)	V.08.07.18	93	-	93	
27	Lưu Trâm	Anh	Nữ	16/07/1996	Bộ môn Phẫu thuật Tạo hình Thẩm mỹ thuộc Khoa Y	Chuyên Viên	Chuyên Viên	01.003	68	-	68	
28	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	26/12/1990	Bộ môn Da liễu thuộc Khoa Y	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	84	-	84	

STT	Họ và chữ lót	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng kí dự tuyển			Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp tương ứng				
29	Nguyễn Ngọc	Trai	Nam	28/7/1989	Bộ môn Da liễu thuộc Khoa Y	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	85	-	85	
30	Nguyễn Thùy	Châu	Nữ	14/3/1985	Bộ môn Y học gia đình thuộc Khoa Y	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	88	-	88	
31	Lê Thành	Đạt	Nam	18/8/1991	Bộ môn Lao và Bệnh phổi thuộc Khoa Y	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	72	-	72	
32	Trịnh Hoàng	Vũ	Nam	02/07/1991	Bộ môn Ung bướu thuộc Khoa Y	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	91	-	91	
33	Trần Phạm Phương	Thư	Nữ	01/11/1989	Bộ môn Nội Tổng quát thuộc Khoa Y	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	82	-	82	
34	Trần Ngọc Quỳnh	Vy	Nữ	08/9/1987	Bộ môn Nhi khoa thuộc Khoa Y	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	86	-	86	
35	Đỗ Thị Mộng	Hoàng	Nữ	10/8/1987	Bộ môn Nhi khoa thuộc Khoa Y	Giảng viên	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	98	-	98	

STT	Họ và chữ lót	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng kí dự tuyển			Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp tương ứng				
36	Lê Phương	Ngân	Nữ	07/5/1995	Khoa Y Việt Đức	Chuyên viên	Chuyên viên	01.003	98	-	98	
37	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	14/9/1985	Trung tâm Đào tạo Nhân lực Y tế	Kế toán viên	Kế toán viên	06.031	87	-	87	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI TỔNG HỢP

ThS. Ngô Thị Ngọc Thu

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS.BS Nguyễn Thanh Hiệp